

Bản án số: 46/2026/DS-ST
Ngày: 20 - 03- 2026
V/v Tranh chấp “Hợp đồng góp
hụi”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 3, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Phan Minh Trâm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Tạ Công Minh;
2. Ông Đỗ Thanh Hiền.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Phục là Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Đồng Tháp.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 3, tỉnh Đồng Tháp tham gia phiên tòa: không tham gia.

Vào ngày 20 tháng 03 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 3, tỉnh Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 14/2026/TLST-DS ngày 08 tháng 01 năm 2026 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2026/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 03 năm 2026 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Hồ Thị E**, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là Ấp K, xã T, tỉnh Đồng Tháp).

2. Bị đơn: Chị **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Ấp K, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang (nay là Ấp K, xã T, tỉnh Đồng Tháp).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn là chị Hồ Thị E và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:*

Do quen biết nhau nên chị có cho chị H vay tiền làm nhiều lần để có vốn làm ăn cụ thể. Lần 1, vào ngày 10/08/2024 chị H mượn 80.000.000 đồng, thời hạn trả cuối năm 2024; Lần 2, vào ngày 20/09/2024 chị H mượn tiếp 73.000.000 đồng, thời hạn trả vào tháng 02 năm 2025. Tuy nhiên đến hạn trả nợ chị H không trả.

Tổng cộng hai khoản vay trên chị H còn nợ lại chị là 153.000.000 đồng. Chị H có ký biên nhận nợ cho chị. Nay chị khởi kiện yêu cầu chị H trả số tiền vốn gốc là 153.000.000 đồng và tiền lãi theo lãi suất $153.000.000 \text{ đồng} \times 0,83\% / \text{tháng} \times 10 \text{ tháng}$ (tạm tính từ tháng 02/2025 đến ngày tháng 12 năm 2025) thành tiền là 12.699.000 đồng. Tổng cộng vốn gốc và lãi là 165.699.000 đồng. Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Hồ Thị E xin rút một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu chị H trả số tiền lãi 12.699.000 đồng của số tiền vay vốn gốc là 153.000.000 đồng.

Về nguồn gốc của số tiền vay 153.000.000 đồng chị Em trình bày: Do quen biết nhau nên chị có tham gia các dây hụi do chị Nguyễn Thị H làm đầu thảo, gồm 02 dây hụi như sau:

Dây hụi thứ 1: là Hụi 5.000.000 đồng/ tháng, khai vào ngày 20/11/2022 âm lịch và mãn vào ngày 10/08/2024 âm lịch. Có tổng cộng 22 phần, chị tham gia một phần. Đến kỳ thứ 21 (tức tháng 07/2024) chị được hốt hụi với số tiền là 101.000.000 đồng (đã trừ đi tiền đầu thảo) nhưng chị H không giao tiền hụi cho chị mà cứ hẹn lần lựa mãi rồi không giao. Nên vào ngày 20/09/2024 chị H đến nhà của chị hai bên mới tất toán cần trừ tiền với nhau, do chị có nợ chị H 27.000.000 đồng, vì vậy số tiền hụi chị H phải giao cho chị còn lại là 73.000.000 đồng, vì vậy mới viết biên nhận là nợ là 73.000.000 đồng ghi là tiền mượn và hứa trả vào tháng 02/2025 nhưng đến nay không trả. Nay chị xác định lại đây là tiền nợ hụi mà chị H phải trả cho chị.

Dây hụi thứ 2: Hụi 10.000.000 đồng/3tháng, khai vào ngày 10/09/2022 âm lịch và mãn vào ngày 10/05/2027 âm lịch. Có tổng cộng 20 phần, chị tham gia một phần và đóng được 08 kỳ từ ngày 10/09/2022 đến ngày 10/06/2024) mỗi kỳ chị đóng trung bình là 5.500.000 đồng, thành tiền 44.550.000 đồng. Vào tháng 06/2024 chị H tuyên bố bế hụi nên chị ngưng không đóng nữa. Sau đó chị và chị H tất toán nợ hụi với nhau, thống nhất vốn gốc chị đã đóng là 44.550.000 đồng và tiền lời của 08 kỳ hụi sống là 35.450.000 đồng, tổng cộng tiền hụi là 80.000.000 đồng. Nên vào ngày 10/08/2024 chị H có ký biên nhận nợ ghi là “...*có mượn tiền của em Hồ Thị E là* hứa trả vào cuối năm 2024. Nhưng số tiền này đến nay không có trả.

Tổng cộng tiền hụi của 02 dây hụi, chị H còn nợ lại chị là 153.000.000 đồng. Nay chị đồng ý giảm cho chị H số tiền 35.450.00 đồng là tiền lời của dây hụi 10.000.000 đồng/3 tháng. Tổng số tiền hụi còn nợ lại là 117.550.000 đồng. Yêu cầu chị H trả 117.550.000 đồng khi án có hiệu lực pháp luật.

** Tại bản tự khai của bị đơn là chị Nguyễn Thị H và trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:*

Chị thống nhất với lời trình bày của nguyên đơn, chị xác định chị có ký tên vào 02 biên nhận nợ do chị Hồ Thị E viết tại nhà của chị Em, cụ thể. Biên nhận ngày 10/08/2024 số tiền mượn 80.000.000 đồng, thời hạn trả cuối năm 2024; Biên nhận ngày 20/09/2024 số tiền mượn là 73.000.000 đồng hứa trả vào tháng 2/2025. Hai

biên nhận nợ này, thực tế là tiền nợ hui mà chị còn nợ lại chị Hồ Thị E của hai dây hui, cụ thể như sau:

1. Dây hui 5.000.000 đồng/tháng, khai vào ngày 20/11/2022 âm lịch và mãn vào ngày 20/07/2024 âm lịch. Dây hui này có tổng cộng 22 phần chị Hồ Thị E tham gia một phần, dây hui này chị Em được hốt vào kỳ thứ 21 với số tiền là 101.000.000 đồng, do chị Em còn nợ chị số tiền 27.000.000 đồng, nên vào ngày 20/09/2024 hai bên mới tất toán số tiền hui với nhau, chị còn nợ lại chị Em 74.000.000 đồng, chị E1 đồng ý giảm cho chị 1.000.000 đồng, như vậy số tiền hui này chị còn nợ lại chị Em là 73.000.000 đồng và chị đã ký vào biên nhận mượn tiền ngày 20/09/2024 và hứa trả tháng 2 năm 2025.

2. Dây hui 10.000.000 đồng/3tháng, khai vào ngày 10/09/2022 âm lịch và mãn vào ngày 10/05/2027 âm lịch. Có tổng cộng 20 phần, chị Em tham gia một phần và đóng được 08 kỳ thành tiền là 44.550.000 đồng. Đến tháng 08/2024 bị bẻ hui, nên chị và chị Em cùng tất toán số tiền hui vốn gốc và tiền lời của 08 kỳ hui đã đóng tổng cộng là 80.000.000 đồng (trong đó vốn gốc là 44.550.000 đồng + tiền lời 35.450.000 đồng). Vì vậy chị đã ký biên nhận nợ mượn tiền vào ngày 10/08/2024 với số tiền mượn là 80.000.000 đồng và hứa trả vào cuối năm 2024.

Nay chị xác định, Biên nhận nợ 80.000.000 đồng ký vào ngày 10/08/2024 là tiền nợ hui 10.000.000 đồng/ 3tháng và Biên nhận nợ 73.000.000 đồng ký vào ngày 20/09/2024 là tiền nợ hui 5.000.000 đồng/tháng. Tổng hai dây hui này là 153.000.000 đồng. Chị đồng ý trả số tiền nợ hui của dây hui 5.000.000 đồng là 73.000.000 đồng. Riêng tiền hui của dây hui 10.000.000 đồng chị xin trả vốn gốc là 44.550.000 đồng, xin bỏ số tiền lãi là 35.450.000 đồng vì hiện nay gia đình chị quá khó khăn. Tổng số tiền nợ hui của hai dây hui trên là 117.550.000 đồng và chị xin trả dần mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho đến khi trả đủ số nợ trên,

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Tại phiên tòa, chị Hồ Thị E xin rút một phần yêu cầu khởi kiện. Cụ thể không yêu cầu chị H trả tiền lãi 12.699.000 đồng của số tiền 153.000.000 đồng. Xét thấy việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là tự nguyện phù hợp với quy định tại Điều 5, khoản 2 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, đình chỉ xét xử yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị E về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị H trả số tiền lãi 12.699.000 đồng.

[2] Về quan hệ tranh chấp: Tại phiên tòa, các bên đều thống nhất số tiền 73.000.000 đồng trong biên nhận nợ ngày 20/09/2024 và số tiền 80.000.000 đồng trong biên nhận nợ ngày 10/08/2024 không phải là tiền vay mượn, mà đây là tiền hui chị Nguyễn Thị H còn nợ lại chị Hồ Thị E. Nên Hội đồng xét xử xác định lại đây là tranh chấp “Hợp đồng góp hui” được quy định khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 471 của Bộ luật Dân sự.

[3] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: Tại phiên tòa các bên đều thống nhất, số tiền nợ hui của hai dây hui mà chị H còn nợ lại chị Em là 153.000.000 đồng. Đồng thời chị Em đồng ý giảm số tiền lãi 35.450.000 đồng cho chị H, chỉ yêu cầu trả số tiền hui còn lại của hai dây hui là 117.550.000 đồng. Xét thấy việc giảm lãi này là có lợi cho chị H, nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về phương thức trả nợ: Chị H đồng ý trả số tiền hui còn nợ lại là 117.550.000 đồng nhưng xin trả dần mỗi tháng là 4.000.000 đồng cho đến khi trả đủ nợ. Chị Em không đồng ý, yêu cầu thực hiện trả số nợ trên khi án có hiệu lực pháp luật. Xét thấy yêu cầu trả nợ của bị đơn là không có cơ sở làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Nên cần buộc chị H phải trả cho chị Em số tiền nợ hui trên khi án có hiệu lực là phù hợp với quy định tại Điều 471 của Bộ luật Dân sự; Điều 15, Điều 16, Điều 21, Điều 23, Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

[4] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị Hồ Thị E được chấp nhận một phần, nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật là (117.550.000 đồng x 5%) thành tiền 5.877.800 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ các Điều 471, Điều 468 Bộ luật Dân sự.

Căn cứ vào các Điều 15, Điều 16, Điều 21, Điều 23, Điều 24 của Nghị định số 19/2019/NĐ-CP ngày 19/02/2019 của Chính phủ.

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Hồ Thị E.

2/ Đình chỉ xét xử một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là chị Hồ Thị E về việc yêu cầu chị Nguyễn Thị H trả số tiền lãi là 12.699.000 đồng.

3/ Buộc Nguyễn Thị H có nghĩa vụ hoàn trả cho chị Hồ Thị E tổng số tiền nợ hui của hai dây hui là 117.550.000 đồng (một trăm mười bảy triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng). Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

4/ Về án phí:

- Chị Nguyễn Thị H phải chịu 5.877.800 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

- H1 lại cho chị Hồ Thị E 4.143.000 đồng là tiền tạm ứng án phí, lệ phí tòa án đã nộp theo biên lai số 0000123 ngày 05/01/2026 của Thi hành án dân sự, tỉnh Đồng Tháp.

5/ Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo quy định các Điều 6,7, 7A và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 3 – Đồng Tháp
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trịnh Phan Minh Trâm

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án theo định các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA